TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 4 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 590/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Vĩnh L, sinh năm 1984 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Cùng trú tại tổ 04, ấp Mỹ L, xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trịnh Vĩnh L trình bày: Anh và chị Th chung sống năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Ph. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Th đã bỏ nhà đi, anh L nhiều lần

liên lạc rước chị Th về nhưng chị không đồng ý, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Tình cảm không còn nên anh L xin ly hôn với chị Th. Về con chung: Anh L và chị Th chung sống có 01 con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 11/11/2014 do anh L nuôi từ sau khi chị Th bỏ đi đến nay, ly hôn anh L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Thu Th, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị Th vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Th.

Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Th, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị Th vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, anh L cho rằng anh và chị Th chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân tháng 8/2018 đến nay, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L yêu cầu ly hôn với chị Th là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 11/11/2014, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và yêu cầu của anh L nên đề nghị giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thu Th có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Ph, huyện CP. Anh L khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chị Th được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh L và chị Th chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ph nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau anh L và chị Th xảy ra mâu thuẫn, cải vả nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, đã ly thân tháng 8/2018 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh L xin ly hôn với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh L kiên quyết xin ly hôn với chị Th. Tòa án đã triệu tập chị Th để tiến hành hòa giải nhưng chị Th không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

- Về con chung: Anh L và chị Th chung sống có 01 con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 11/11/2014 đang ở với anh L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu H do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời anh L có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo yêu cầu của anh L muốn tiếp tục nuôi cháu H. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho anh L được

tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Anh Trịnh Vĩnh L được ly hôn với chị Trần Thị Thu Th.

Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 11/11/2014 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Trịnh Vĩnh L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010308 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Mỹ Ph;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ